

Số: 1307/SGD&ĐT-GDMN-TH
V/v: Báo cáo thực trạng phát triển
giáo dục mầm non tư thục.

Bến Tre, ngày 19 tháng 12 năm 2008

Kính gửi: Các Phòng Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện công văn số 11152/BGDĐT-GDMN ngày 03/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Báo cáo thực trạng phát triển giáo dục mầm non tư thục; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:

I. Thực trạng phát triển trường, lớp mầm non (MN) tư thục tại địa phương:

A. Thực trạng:

1. Quy mô mạng lưới trường, lớp tư thục:

- Số liệu:
 - + Tổng số trường MN tư thục; trong đó số trường MN chưa cấp phép; số trẻ hiện có trong trường MN tư thục.
 - + Tổng số nhóm lớp lẻ; trong đó số nhóm lớp lẻ chưa cấp phép; số trẻ hiện có trong nhóm lớp lẻ.
- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu về quy mô, mạng lưới trường, lớp MN tư thục.
- Các biện pháp khắc phục.

2. Các biện pháp quản lý, chỉ đạo

- Ban hành các văn bản quản lý liên quan tới MN tư thục của địa phương.
- Các biện pháp đã triển khai thực hiện (liên quan đến việc thành lập, chia tách, giải thể...; tổ chức trường lớp; quản lý kế hoạch, chất lượng chăm sóc giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ; đội ngũ; cơ sở vật chất; thực hiện các chính sách của nhà nước đối với trường, lớp MN tư thục). Các biện pháp quản lý chỉ đạo đối với các nhóm lớp lẻ.
- Phân tích, nhận định về điểm mạnh, điểm yếu trong việc quản lý các trường lớp MN tư thục tại địa phương. Trong đó cần phân tích, nhận định về điểm mạnh, điểm yếu trong phân cấp quản lý các trường lớp MN tư thục tại địa phương – vai trò của chính quyền địa phương và các cấp quản lý giáo dục đối với các trường, lớp tư thục. Các biện pháp quản lý chỉ đạo đối với các trường, lớp chưa cấp phép.
- Tham mưu, phối hợp các ban ngành địa phương trong quản lý các trường, lớp MN tư thục.

- Những khó khăn/hạn chế.

3. Thực trạng chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các trường, lớp MN tư thục:

- Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và bảo vệ sức khỏe cho trẻ; trong đó cần nêu rõ thực trạng vấn đề chăm sóc đảm bảo an toàn cho trẻ.
- Chất lượng giáo dục trẻ tại các trường, lớp tư thục.
- Phân tích, nhận định về điểm mạnh, điểm yếu trong chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các trường, lớp MN tư thục.
- Các biện pháp khắc phục khó khăn, điểm yếu.

4. Thực trạng cán bộ quản lý, giáo viên, người chăm sóc giáo dục trẻ tại các trường, lớp tư thục:

- Thực trạng cán bộ quản lý: chủ trường, chủ nhóm lớp, hiệu trưởng.
- Thực trạng đội ngũ giáo viên: Phân tích tình hình số lượng, trình độ, thu nhập, việc thực hiện các chính sách đối với giáo viên tại các trường, lớp MN tư thực. Nhận định về thực trạng đội ngũ giáo viên và người trông trẻ tại các trường, lớp MN tư thực tại địa phương.

- Các biện pháp khắc phục khó khăn, điểm yếu.

5. Thực trạng về cơ sở vật chất tại các trường, lớp tư thực:

- Đối với trường lớp: Chủ quyền của cơ sở MN tư thực, điều kiện hoạt động.
- Thực trạng về trang thiết bị bên trong.
- Phân tích, nhận định về điểm mạnh, điểm yếu về thực trạng cơ sở vật chất tại các trường, lớp MN tư thực tại địa phương. Chú trọng phân tích các điều kiện đảm bảo an toàn cho trẻ.

6. Các vấn đề khác: thanh kiểm tra, xử phạt...

B. Đánh giá chung về tình hình phát triển trường, lớp MN tư thực; nguyên nhân của các hạn chế/khó khăn

II. Đề xuất giải pháp:

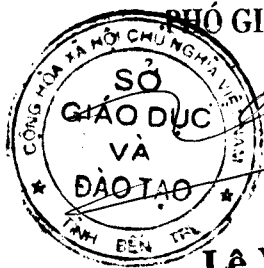
1. Đối với địa phương
2. Đối với trung ương

III. Phương hướng trong thời gian tới:

Đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 24/12/2008 (có biểu mẫu đính kèm)

Nơi nhận: *h*

- Như trên;
- Lưu: VT, P.GDMN&TH.

KIỂM GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Chín

THU THẬP THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC TRƯỜNG MẦM NON TƯ THỰC

Sở Giáo dục và Đào tạo

Thông tin	Đơn vị Tính	Số lượng	Ghi chú	
			Cấp phép	C.cấp phép
1. Số trẻ trong độ tuổi mầm non	Trẻ			
<i>Trong đó:</i>	Trẻ			
Trẻ dưới 36 tháng tuổi	Trẻ			
Trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi	Trẻ			
Trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi	Trẻ			
2. Quy mô phát triển				
Tổng số trường mầm non tư thực (bao gồm trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ độc lập)	trường			
Tỷ lệ so với tổng số trường (bao gồm trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ độc lập)	%			
Tổng số nhóm, lớp lẻ (chưa đủ điều kiện thành lập trường)	nhóm/ lớp			
3. Số lượng trẻ				
Tổng số trẻ được CSGD trong cơ sở MN tư thực	Trẻ			
Tỷ lệ % so với tổng số trẻ ra lớp	%			
Tỷ lệ % so với số trẻ trong độ tuổi	%			
<i>* Trong đó</i>				
+ Số trẻ nhà trẻ tư thực	Trẻ			
Tỷ lệ % so với tổng số trẻ nhà trẻ ra lớp	%			
+ Số trẻ mẫu giáo tư thực	Trẻ			
Tỷ lệ % so với tổng số trẻ mẫu giáo ra lớp	%			
4. Chất lượng chăm sóc giáo dục				
Số trường, lớp tư thực có tổ chức ăn cho trẻ	Trường			
Chiếm tỷ lệ % so với T.số trường, lớp MN tư thực	%			
Số trẻ được ăn tại các trường lớp mầm non tư thực	Trẻ			
Chiếm tỷ lệ % so với T.số trẻ đến trường lớp MN tư thực	%			
Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	Trẻ			
Chiếm tỷ lệ % so với T.số trẻ đến trường lớp MN tư thực	%			
Số trẻ bị dinh dưỡng	Trẻ			
Tổng số trường thực hiện chương trình do Bộ GDĐT ban hành	trường			
Số nhóm, lớp lẻ thực hiện chương trình do Bộ GDĐT ban hành	nhóm/ lớp			
Trông giữ trẻ, không theo chương trình nào	nhóm/ lớp			
Các thông tin khác (ghi nội dung khác không có trong bảng thống kê)				
4. Tổng số giáo viên mầm non và cán bộ nhân viên	người			
<i>Trong đó</i>				
Cán bộ quản lý (Chủ trường, chủ nhóm lớp, hiệu trưởng, hiệu phó)	người			
Nhân viên	người			
Giáo viên mầm non.	Người			